

# BẢN TIN HÀNG NGÀY

06 Tháng 6 2025

## Vn-Index giảm phiên thứ 3 liên tiếp, khối ngoại bán ròng hơn 2,000 tỷ

- Vn-Index nhìn chung trong xu hướng giảm liên tục trong suốt cả ngày, dù có chút hồi phục ở khoảng giữa phiên chiều, và đóng cửa giảm 12.2 điểm
- Số lượng mã giảm gấp 3 lần số mã tăng điểm
- Hầu hết nhóm ngành đều giảm điểm, trong đó giảm mạnh nhất là chứng khoán, ngân hàng, xây dựng, bán lẻ, dệt may, khu công nghiệp, và phân bón
- Nhóm Vingroup (VIC VHM VRE) đều giảm điểm trong suốt cả ngày
- HPG tăng điểm nhờ thông tin tích cực về kết quả kinh doanh quý 2
- Ngoài ra, nhóm bất động sản có lẽ là nhóm duy nhất tăng điểm, với 1 số cổ phiếu tăng tốt như DXS NLG
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 8.4% so với ngày trước đó

**Đồ thị Vn-Index 3 tháng**

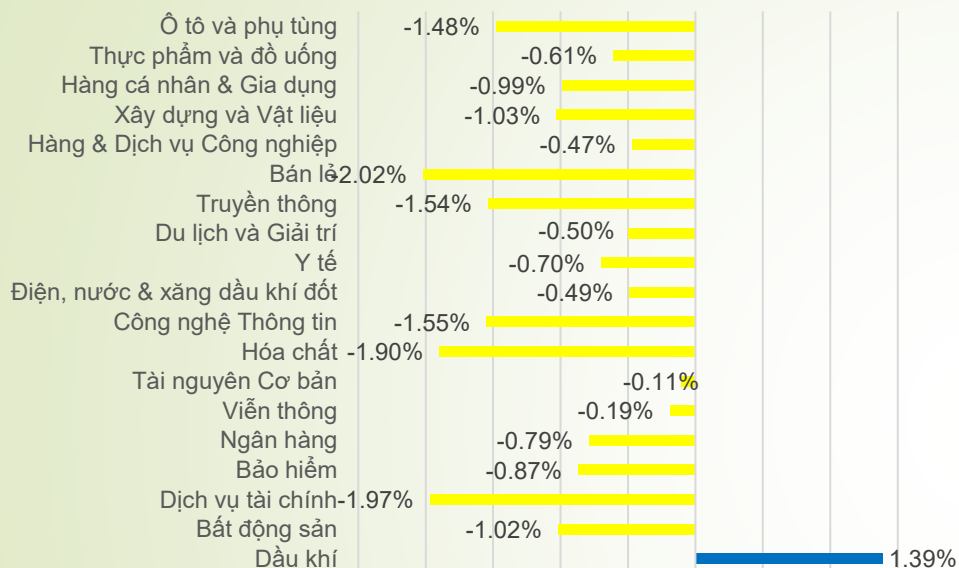


**Tổng quan thị trường**

|                                 | HOSE    | HNX    | UPCOM |
|---------------------------------|---------|--------|-------|
| Đóng cửa                        | 1329.9  | 228.6  | 98.9  |
| (+/-)                           | -12.2   | -2.58  | 0.02  |
| (%)                             | -0.91%  | -1.12% | 0.02% |
| Khối lượng giao dịch (Triệu cp) | 875     | 114    | 53    |
| Giá trị giao dịch (Tỷ VND)      | 18,559  | 1,932  | 469   |
| Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)   | (2,241) | 18     | (6)   |
| Số mã tăng                      | 76      | 44     | 158   |
| Số mã giảm                      | 233     | 113    | 164   |
| Số mã giá không đổi             | 51      | 54     | 108   |

# Nhận định thị trường

## Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



| STT | Nhóm ngành          | PE    | PB   |
|-----|---------------------|-------|------|
| 1   | Dầu khí             | 32.04 | 1.16 |
| 2   | Nguyên vật liệu     | 18.26 | 1.52 |
| 3   | Công nghiệp         | 13.67 | 2.03 |
| 4   | Hàng Tiêu dùng      | 16.59 | 2.29 |
| 5   | Dược phẩm và Y tế   | 15.84 | 1.56 |
| 6   | Dịch vụ Tiêu dùng   | 26.31 | 4.25 |
| 7   | Viễn thông          | 35.91 | 5.60 |
| 8   | Tiện ích Cộng đồng  | 15.92 | 1.70 |
| 9   | Tài chính           | 17.61 | 1.65 |
| 10  | Ngân hàng           | 9.02  | 1.42 |
| 11  | Công nghệ Thông tin | 20.05 | 4.09 |

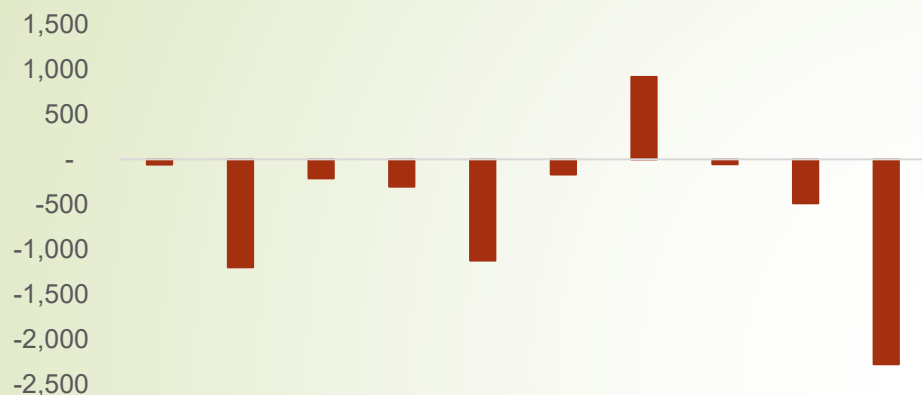
- Trong phiên hôm nay, Vn-Index đã giảm 3 phiên liên tiếp, và đã xuống dưới đáy nền xanh gần nhất ngày 3/6, do đó đã có 1 số lo lắng nhất định
- Hiện đã tháng 6, và nhà đầu tư đã bắt đầu lo lắng đến kết quả đàm phán thuế đối ứng Mỹ - Việt. Thời hạn 3 tháng đàm phán sẽ kết thúc vào cuối tháng 6
- Nhìn chung, chúng tôi vẫn đánh giá kết quả đàm phán sẽ diễn ra tích cực. Tuy vậy, nếu kết quả không như mong đợi thì hậu quả lại quá lớn, do đó, nhiều nhà đầu tư bắt đầu lo ngại và bán ra cũng là tâm lý dễ hiểu ở thời điểm hiện tại.
- Hỗ trợ mạnh đang ở vùng 1,290-1,300 điểm; tương đương Fibonacci 78.6%. Nhà đầu tư có thể mua vào 1 phần nhỏ danh mục tại vùng giá này, sau đó chờ đợi thông tin từ đàm phán

# Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

| Ngân hàng |        | Bất động sản |        | Chứng khoán |        | Thực phẩm |        | Xây dựng |        | Nguyên liệu cơ bản |        | Tiện ích |        | Hóa chất |        |
|-----------|--------|--------------|--------|-------------|--------|-----------|--------|----------|--------|--------------------|--------|----------|--------|----------|--------|
| STB       | 0.97%  | DXS          | 6.76%  | EVF         | -0.46% | DBC       | 1.36%  | BMP      | 1.03%  | HPG                | 1.17%  | REE      | 0.91%  | PHR      | 0.20%  |
| HDB       | 0.69%  | NLG          | 1.22%  | BCG         | -1.37% | HAG       | 1.15%  | HTI      | -0.56% | NKG                | 0.00%  | VSH      | 0.60%  | AAA      | -0.54% |
| SSB       | 0.55%  | DIG          | 1.12%  | SSI         | -1.46% | SBT       | 0.00%  | CTR      | -1.21% | ACG                | 0.00%  | TMP      | 0.00%  | DPM      | -0.59% |
| ACB       | 0.00%  | TCH          | 0.51%  | DSC         | -1.59% | FMC       | -0.13% | VCG      | -1.35% | PTB                | -0.74% | TDM      | 0.00%  | DGC      | -0.88% |
| SHB       | 0.00%  | HDG          | 0.00%  | DSE         | -1.94% | VCF       | -0.21% | CTD      | -1.59% | HSG                | -0.92% | PGV      | 0.00%  | VFG      | -1.05% |
| VCB       | -0.36% | NVL          | 0.00%  | TVS         | -1.96% | BHN       | -0.67% | PC1      | -1.93% | DHC                | -2.12% | HNA      | 0.00%  | DPR      | -1.66% |
| TPB       | -0.38% | BCM          | 0.00%  | AGR         | -2.00% | MCM       | -0.89% | HHV      | -2.76% |                    |        | CHP      | 0.00%  | DCM      | -2.60% |
| MSB       | -0.43% | KOS          | 0.00%  | HCM         | -2.11% | SAB       | -0.91% | VGC      | -3.69% |                    |        | SHP      | 0.00%  | CSV      | -2.90% |
| NAB       | -0.60% | DXG          | 0.00%  | VIX         | -2.17% | VHC       | -1.06% | CII      | -4.50% |                    |        | PGD      | -0.55% | GVR      | -2.91% |
| BID       | -0.70% | SJS          | -0.67% | FTS         | -2.17% | KDC       | -1.11% |          |        |                    |        | NT2      | -0.81% |          |        |
| EIB       | -0.82% | VIC          | -1.02% | BSI         | -2.36% | MSN       | -1.22% |          |        |                    |        | PPC      | -0.84% |          |        |
| VIB       | -0.83% | VHM          | -1.04% | VCI         | -2.58% | PAN       | -1.61% |          |        |                    |        | BWE      | -1.02% |          |        |
| CTG       | -0.91% | IJC          | -1.18% | ORS         | -2.60% | ASM       | -1.74% |          |        |                    |        | GAS      | -1.25% |          |        |
| OCB       | -0.92% | CRE          | -1.84% | CTS         | -3.01% | VNM       | -1.78% |          |        |                    |        | GEG      | -1.49% |          |        |
| MBB       | -1.02% | VRE          | -1.85% | VDS         | -3.77% | ANV       | -2.13% |          |        |                    |        | POW      | -2.19% |          |        |
| VPB       | -1.66% | HDC          | -2.14% | VND         | -3.80% | BAF       | -2.20% |          |        |                    |        |          |        |          |        |
| LPB       | -1.89% | KDH          | -2.15% |             |        |           |        |          |        |                    |        |          |        |          |        |
| TCB       | -2.57% | VPI          | -2.30% |             |        |           |        |          |        |                    |        |          |        |          |        |
|           |        | PDR          | -2.47% |             |        |           |        |          |        |                    |        |          |        |          |        |
|           |        | SIP          | -2.59% |             |        |           |        |          |        |                    |        |          |        |          |        |
|           |        | SZC          | -2.70% |             |        |           |        |          |        |                    |        |          |        |          |        |
|           |        | KBC          | -3.04% |             |        |           |        |          |        |                    |        |          |        |          |        |
|           |        | QCG          | -3.63% |             |        |           |        |          |        |                    |        |          |        |          |        |

# Giao dịch khối ngoại

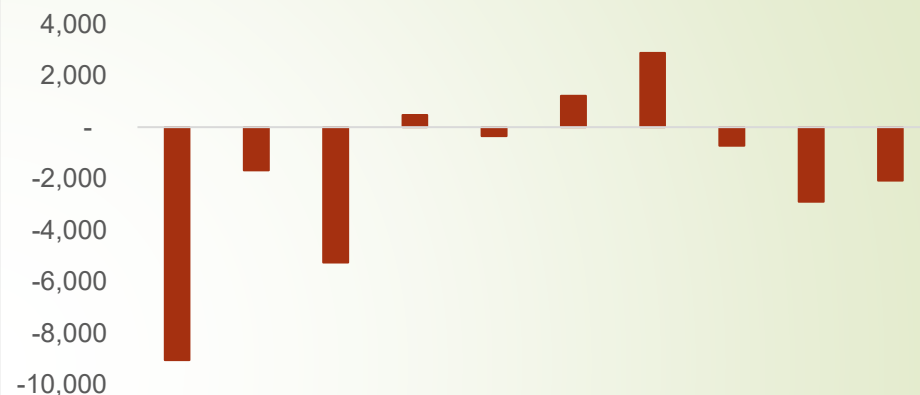
## Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



## Top mua ròng

| No | Code | Exchange | Buy value | Sell value | Net value |
|----|------|----------|-----------|------------|-----------|
| 1  | HPG  | HOSE     | 161.38    | 67.01      | 94.37     |
| 2  | VIC  | HOSE     | 76.75     | 21.03      | 55.72     |
| 3  | GEX  | HOSE     | 81.32     | 32.34      | 48.98     |
| 4  | DXG  | HOSE     | 58.89     | 10.23      | 48.66     |
| 5  | CEO  | HNX      | 55.78     | 18.88      | 36.90     |
| 6  | DIG  | HOSE     | 45.31     | 10.25      | 35.06     |
| 7  | NLG  | HOSE     | 37.90     | 10.38      | 27.52     |
| 8  | HHS  | HOSE     | 25.89     | 0.17       | 25.72     |
| 9  | IDC  | HNX      | 33.91     | 8.64       | 25.26     |
| 10 | HDG  | HOSE     | 38.57     | 13.94      | 24.63     |
| 11 | NVL  | HOSE     | 43.21     | 19.05      | 24.16     |
| 12 | HDB  | HOSE     | 22.32     | 2.66       | 19.66     |
| 13 | DXS  | HOSE     | 25.63     | 6.07       | 19.56     |
| 14 | CII  | HOSE     | 30.65     | 14.21      | 16.44     |
| 15 | VRE  | HOSE     | 61.85     | 47.05      | 14.80     |

## Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



## Top bán ròng

| No | Code | Exchange | Buy value | Sell value | Net value  |
|----|------|----------|-----------|------------|------------|
| 1  | VHM  | HOSE     | 56.80     | 1,636.30   | - 1,579.51 |
| 2  | SHP  | HOSE     | -         | 185.62     | - 185.62   |
| 3  | VCI  | HOSE     | 15.24     | 121.74     | - 106.49   |
| 4  | FPT  | HOSE     | 128.60    | 211.64     | - 83.04    |
| 5  | HAH  | HOSE     | 23.05     | 93.47      | - 70.41    |
| 6  | STB  | HOSE     | 49.64     | 106.56     | - 56.92    |
| 7  | HCM  | HOSE     | 3.77      | 53.27      | - 49.50    |
| 8  | SHB  | HOSE     | 0.87      | 41.77      | - 40.90    |
| 9  | VCB  | HOSE     | 1.56      | 42.36      | - 40.80    |
| 10 | VND  | HOSE     | 15.81     | 55.48      | - 39.67    |
| 11 | SSI  | HOSE     | 14.15     | 50.61      | - 36.46    |
| 12 | EIB  | HOSE     | 4.92      | 39.86      | - 34.95    |
| 13 | DCM  | HOSE     | 0.64      | 31.23      | - 30.59    |
| 14 | MBS  | HNX      | 0.44      | 30.98      | - 30.53    |
| 15 | VNM  | HOSE     | 4.27      | 33.79      | - 29.52    |

# Cập nhật vĩ mô

|                                     | Hôm nay  | 1D     | 1W     | YTD     |
|-------------------------------------|----------|--------|--------|---------|
| Giá dầu Brent (USD/thùng)           | 65.29    | -1.11% | -0.16% | -13.96% |
| Giá dầu WTI (USD/thùng)             | 63.19    | -1.12% | 1.39%  | -12.58% |
| Giá vàng thế giới (USD/ounce)       | 3,381.90 | 0.59%  | 2.68%  | 28.62%  |
| Tỷ giá trung tâm (USD/VND)          | 24,992   | -0.04% | 0.13%  | 2.71%   |
| Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)    | 26,241   | -0.04% | 0.17%  | 2.71%   |
| Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)       | 26,325   | -0.06% | -0.13% | 1.84%   |
| Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng   | 3.19%    | -0.17% | -0.49% | -0.41%  |
| Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm | 2.28%    | 0.00%  | 0.02%  | 0.15%   |
| Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm | 2.39%    | 0.00%  | 0.02%  | 0.20%   |

## ECB tiếp tục giảm lãi suất, nới rộng khoảng cách với Fed

ECB) quyết định cắt giảm lãi suất 0.25% xuống còn 2% và điều chỉnh giảm dự báo lạm phát năm 2025 từ 2.3% xuống 2%, dựa trên sự mạnh lên của đồng Euro và chi phí năng lượng giảm.

## Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2025 tăng 0,16%

Giá thuê nhà, vật liệu bảo dưỡng nhà ở, điện sinh hoạt và ăn uống ngoài gia đình tăng theo nhu cầu tiêu dùng là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2025 tăng 0,16% so với tháng trước. Bình quân 5 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,1%. Đó là con số vừa được Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố.

## Việt Nam xuất siêu 4,67 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm

Trong 5 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 355,79 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,67 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 8,71 tỷ USD)

## Tỷ lệ bao phủ nợ xấu ngành ngân hàng giảm xuống dưới ngưỡng 100% đã duy trì từ 2023

Quý I/2025 khép lại với bức tranh ngành ngân hàng với chất lượng tài sản và khả năng sinh lời tiếp tục chịu nhiều thách thức, một số nhà băng đang tăng tốc chuyển đổi chiến lược, tập trung củng cố vốn và mở rộng nguồn thu phi tín dụng.

## Bản tin doanh nghiệp

 Vietnam Airlines

Vint

### Vietnam Airlines bắt tay China Southern Airlines lập liên doanh đầu tiên giữa hàng không Việt Nam và Trung Quốc

China Southern Airlines đã là đối tác chiến lược quan trọng của Vietnam Airlines tại thị trường Trung Quốc từ năm 2010, sau đó hai bên ký kết thỏa thuận mở rộng hợp tác vào năm 2022.



### Chủ tịch Hòa Phát dự báo quý II sẽ tốt, đang không có hàng để bán

Ông Trần Đình Long cho biết: “Kết quả kinh doanh quý II chắc là tốt thôi. Đợt này đang không có hàng để bán. Giá thép đang tăng và quan trọng là đầu ra đang rất tốt”. Tính từ đầu quý 2, giá thép xây dựng đã trải qua 4 lần tăng. Hiện giá thép CB300 D10 ở mức 13,79 triệu đồng/tấn, tăng so với mức 13,58 triệu đồng/tấn hồi cuối quý I.

**HAGL Gro**

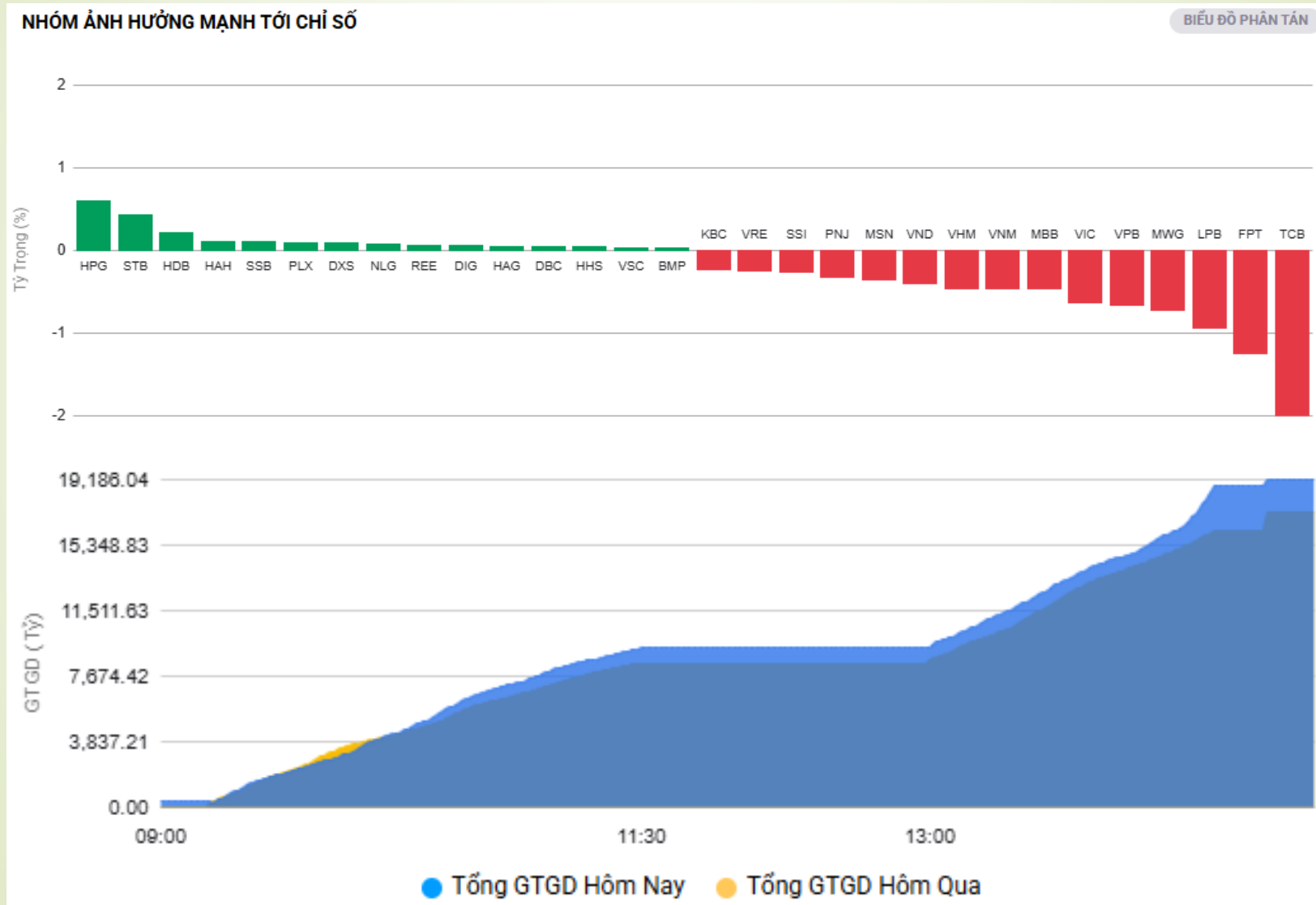
### ĐHĐCĐ HAG: Sắp trồng dâu nuôi tằm và cây cà phê Arabica

ĐHĐCĐ thường niên 2025 diễn ra vào sáng ngày 06/06 của HAG đã thông qua nhiều nội dung đáng chú ý, bao gồm kế hoạch kinh doanh với lợi nhuận ngàn tỷ, phương án phát hành hơn 200 triệu cp hoán đổi nợ trái phiếu. Đáng chú ý, các ứng viên HĐQT và BKS từ nhóm cổ đông của Thaingroup và LPBS đã không xuất hiện.

## Lịch sự kiện

| Mã  | Ngày ĐKCC  | Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Sự kiện                  | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|-----|------------|------------|----------------|--------------------------|-----------------|---------|
| RAL | 05/05/2025 | 04/29/2025 | 06/07/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| TVB | 03/17/2025 | 03/14/2025 | 06/07/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| TCM | 06/10/2025 | 06/09/2025 | 06/09/2025     | Phát hành cổ phiếu       | 10.00%          |         |
| AAT | 05/13/2025 | 05/12/2025 | 06/09/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| VAF | 05/26/2025 | 05/23/2025 | 06/10/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10.00%          | 1,000   |
| PGI | 05/26/2025 | 05/23/2025 | 06/10/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 2.00%           | 200     |
| ACG | 05/26/2025 | 05/23/2025 | 06/10/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 7.00%           | 700     |
| D2D | 05/23/2025 | 05/22/2025 | 06/10/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 84.00%          | 8,400   |
| VGC | 05/14/2025 | 05/13/2025 | 06/10/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| TRC | 05/09/2025 | 05/08/2025 | 06/10/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| PGV | 05/05/2025 | 04/29/2025 | 06/10/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |
| BSI | 06/12/2025 | 06/11/2025 | 06/11/2025     | Phát hành cổ phiếu       | 10.00%          |         |
| DPG | 06/12/2025 | 06/11/2025 | 06/11/2025     | Phát hành cổ phiếu       | 60.00%          |         |
| TDW | 05/29/2025 | 05/28/2025 | 06/11/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 14.00%          | 1,400   |
| L10 | 05/28/2025 | 05/27/2025 | 06/12/2025     | Đại hội đồng cổ đông     | 15.00%          | 1,500   |
| FTS | 05/15/2025 | 05/14/2025 | 06/12/2025     | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5.00%           | 500     |
| CDC | 03/18/2025 | 03/17/2025 | 06/12/2025     | Đại hội đồng cổ đông     |                 |         |

# Số liệu thị trường



## Khuyến nghị của NHSV Research

| CP  | Ngày đánh giá | Khuyến nghị | Giá CP tại thời điểm báo cáo | Giá mục tiêu | Giá mục tiêu (điều chỉnh) | Giá hiện tại (6/6/2025) | %      | Đường dẫn báo cáo    |
|-----|---------------|-------------|------------------------------|--------------|---------------------------|-------------------------|--------|----------------------|
| VPB | 20/5/2024     | MUA         | 19,800                       | 23,100       | 22,100                    | 17,800                  | 24.2%  | <a href="#">Link</a> |
| TPB | 1/7/2024      | MUA         | 17,350                       | 22,800       | 19,000                    | 13,100                  | 38.7%  | <a href="#">Link</a> |
| TCB | 12/8/2024     | MUA         | 21,250                       | 26,300       | 26,300                    | 30,300                  | -13.2% | <a href="#">Link</a> |
| MBB | 29/8/2024     | MUA         | 24,850                       | 30,400       | 26,435                    | 24,150                  | 9.5%   | <a href="#">Link</a> |
| ACB | 23/9/2024     | MUA         | 25,650                       | 28,800       | 29,100                    | 21,000                  | 15.1%  | <a href="#">Link</a> |
| HDB | 15/10/2024    | KHẢ QUAN    | 27,150                       | 30,200       | 25,800                    | 21,800                  | 18.3%  | <a href="#">Link</a> |
| CTG | 28/11/2024    | KHẢ QUAN    | 35,150                       | 38,600       | 38,600                    | 38,200                  | 1.0%   | <a href="#">Link</a> |
| VCB | 24/2/2025     | MUA         | 93,100                       | 108,400      | 72,508                    | 56,100                  | 29.2%  | <a href="#">Link</a> |
| BID | 20/3/2025     | MUA         | 39,800                       | 46,900       | 46,900                    | 35,250                  | 33.0%  | <a href="#">Link</a> |
| HPG | 13/01/2025    | MUA         | 25,900                       | 33,800       | 33,800                    | 26,050                  | 11.3%  | <a href="#">Link</a> |
| HSG | 14/02/2025    | KHẢ QUAN    | 16,650                       | 17,990       | 17,490                    | 16,200                  | -8.1%  | <a href="#">Link</a> |
| NKG | 7/3/2025      | KHẢ QUAN    | 16,100                       | 17,380       | 17,380                    | 13,400                  | -0.7%  | <a href="#">Link</a> |
| NLG | 30/9/2024     | MUA         | 41,550                       | 48,500       | 48,500                    | 37,250                  | 30.2%  | <a href="#">Link</a> |
| KDH | 23/10/2024    | MUA         | 33,300                       | 42,400       | 42,400                    | 29,600                  | 43.2%  | <a href="#">Link</a> |
| DXG | 15/11/2024    | MUA         | 16,150                       | 18,800       | 18,800                    | 15,850                  | 1.4%   | <a href="#">Link</a> |
| DXS | 15/1/2025     | KHẢ QUAN    | 6,500                        | 7,000        | 7,000                     | 8,850                   | -20.9% | <a href="#">Link</a> |
| KBC | 22/1/2025     | MUA         | 28,950                       | 36,000       | 36,000                    | 25,500                  | 41.2%  | <a href="#">Link</a> |
| VRE | 21/3/2025     | MUA         | 18,450                       | 22,500       | 22,500                    | 26,500                  | -15.1% | <a href="#">Link</a> |
| HAH | 31/3/2025     | KHẢ QUAN    | 52,800                       | 60,180       | 60,180                    | 76,000                  | -20.8% | <a href="#">Link</a> |
| VHM | 29/4/2025     | KHẢ QUAN    | 58,400                       | 66,100       | 66,100                    | 76,000                  | -13.0% | <a href="#">Link</a> |
| STB | 14/5/2025     | MUA         | 40,000                       | 47,500       | 47,500                    | 41,750                  | 13.8%  | <a href="#">Link</a> |
| GMD | 27/5/2025     | KHẢ QUAN    | 59,500                       | 63,600       | 63,600                    | 57,500                  | 10.6%  | <a href="#">Link</a> |
| HDC | 5/6/2025      | MUA         | 26,000                       | 30,200       | 30,200                    | 25,150                  | 20.1%  | <a href="#">Link</a> |

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

**TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH**

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.